



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM
Số: 230 /TBHH-TCTBĐATHMN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 17 tháng 10 năm 2023

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về thông số kỹ thuật của khu nước trước cảng Bến Nghé – Phú Hữu
(B9, B10), cảng Tân Cảng Cát Lái (cầu tàu số 1, cầu tàu số 2) và bến
phao BP5, BP6, BP7 trên sông Đồng Nai

HCM – 36 – 2023.

Vùng biển: Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên luồng: luồng hàng hải Đồng Nai.

Căn cứ Đơn đề nghị số 3308/ĐĐN-TCg ngày 09/10/2023 của Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn về việc đề nghị công bố thông báo hàng hải về phạm vi độ sâu khu nước trước cảng Bến Nghé – Phú Hữu (B9, B10), cảng Tân Cảng Cát Lái (cầu tàu số 1, cầu tàu số 2) và bến phao BP5, BP6, BP7 trên sông Đồng Nai của Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn.

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo về thông số kỹ thuật của khu nước trước cảng Bến Nghé – Phú Hữu (B9, B10), cảng Tân Cảng Cát Lái (cầu tàu số 1, cầu tàu số 2) và bến phao BP5, BP6, BP7 trên sông Đồng Nai của Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn, như sau:

1. Trong phạm vi khảo sát khu nước trước cảng Bến Nghé - Phú Hữu, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ như sau:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
PH1	10°46'33,7"N	106°48'22,8"E	10°46'30,1"N	106°48'29,3"E
PH2	10°46'42,0"N	106°48'32,0"E	10°46'38,4"N	106°48'38,5"E
PH3	10°46'41,0"N	106°48'35,4"E	10°46'37,3"N	106°48'41,8"E
PH4	10°46'30,3"N	106°48'23,6"E	10°46'26,6"N	106°48'30,0"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 12,0 m.

2. Trong phạm vi khảo sát khu nước trước cảng Tân Cảng Cát Lái (cầu tàu số 1, cầu tàu số 2) như sau:

2.1. Khu nước trước cầu tàu số 1 và cầu tàu số 2, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ như sau:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
R1	10°45'36,1"N	106°47'27,7"E	10°45'32,4"N	106°47'34,2"E
R2	10°45'34,8"N	106°47'29,8"E	10°45'31,2"N	106°47'36,2"E
R3	10°45'28,5"N	106°47'18,1"E	10°45'24,8"N	106°47'24,5"E
R4	10°45'30,9"N	106°47'18,1"E	10°45'27,2"N	106°47'24,6"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 10,2 m.

2.2. Khu nước tiếp giáp luồng hàng hải, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ như sau:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
R2	10°45'34,8"N	106°47'29,8"E	10°45'31,2"N	106°47'36,2"E
R3	10°45'28,5"N	106°47'18,1"E	10°45'24,8"N	106°47'24,5"E
B1	10°45'26,1"N	106°47'18,0"E	10°45'22,4"N	106°47'24,5"E
B2	10°45'33,3"N	106°47'32,4"E	10°45'29,6"N	106°47'38,8"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 12,1 m.

3. Trong phạm vi khảo sát khu nước bến phao neo BP5 như sau:

3.1. Khu nước bến phao neo BP5, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ như sau:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
B5-2	10°45'23,0"N	106°47'32,0"E	10°45'19,3"N	106°47'38,5"E
B5-3	10°45'21,0"N	106°47'32,9"E	10°45'17,4"N	106°47'39,4"E
B5-4	10°45'23,9"N	106°47'39,4"E	10°45'20,3"N	106°47'45,8"E
B5-5	10°45'25,9"N	106°47'38,5"E	10°45'22,2"N	106°47'44,9"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 10,6 m.

3.2. Khu nước tiếp giáp luồng bến phao neo BP5, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ như sau:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
B5-1	10°45'25,7"N	106°47'28,2"E	10°45'22,0"N	106°47'34,6"E

B5-2	10°45'23,0"N	106°47'32,0"E	10°45'19,3"N	106°47'38,5"E
B5-5	10°45'25,9"N	106°47'38,5"E	10°45'22,2"N	106°47'44,9"E
B5-6	10°45'31,1"N	106°47'39,0"E	10°45'27,5"N	106°47'45,5"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 9,4 m.

4. Trong phạm vi khảo sát khu nước bên phao neo BP6 như sau:

4.1. Khu nước bên phao neo BP6, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ như sau:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
B6-2	10°45'27,3"N	106°47'43,2"E	10°45'23,6"N	106°47'49,7"E
B6-3	10°45'25,0"N	106°47'44,6"E	10°45'21,4"N	106°47'51,1"E
B6-4	10°45'29,4"N	106°47'51,9"E	10°45'25,7"N	106°47'58,4"E
B6-5	10°45'31,6"N	106°47'50,6"E	10°45'28,0"N	106°47'57,0"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 10,8 m.

4.2. Khu nước tiếp giáp luồng bên phao neo BP6, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ như sau:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
B6-1	10°45'30,4"N	106°47'37,5"E	10°45'26,7"N	106°47'44,0"E
B6-2	10°45'27,3"N	106°47'43,2"E	10°45'23,6"N	106°47'49,7"E
B6-5	10°45'31,6"N	106°47'50,6"E	10°45'28,0"N	106°47'57,0"E
B6-6	10°45'36,9"N	106°47'50,5"E	10°45'33,2"N	106°47'56,9"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 10,7 m.

5. Trong phạm vi khảo sát khu nước bên phao neo BP7 như sau:

5.1. Khu nước bên phao neo BP7, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ như sau:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
B7-2	10°45'32,2"N	106°47'55,4"E	10°45'28,5"N	106°48'01,8"E
B7-3	10°45'30,1"N	106°47'57,4"E	10°45'26,4"N	106°48'03,9"E
B7-4	10°45'36,4"N	106°48'04,1"E	10°45'32,7"N	106°48'10,5"E
B7-5	10°45'38,5"N	106°48'02,0"E	10°45'34,9"N	106°48'08,5"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 11,7 m.

5.2. Khu nước tiến gần luồng bên phao neo BP7 được giới hạn bởi các điểm có tọa độ như sau:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
B7-1	10°45'34,8"N	106°47'46,3"E	10°45'31,1"N	106°47'52,8"E
B7-2	10°45'32,2"N	106°47'55,4"E	10°45'28,5"N	106°48'01,8"E
B7-5	10°45'38,5"N	106°48'02,0"E	10°45'34,9"N	106°48'08,5"E
B7-6	10°45'41,9"N	106°48'01,2"E	10°45'38,3"N	106°48'07,6"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt 11,4 m.

Số liệu căn cứ các bình đồ độ sâu ký hiệu BNPH_2310; TCCL_2310; BPCL_2310_01 và BPCL_2310_02 tỷ lệ 1/1000 do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam đo đạc hoàn thành tháng 10 năm 2023.

Để biết thêm thông tin chi tiết đề nghị liên hệ trực tiếp với Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn ⁽¹⁾./. 

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Tp. Hồ Chí Minh;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực I;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng;
- Cty TNHH MTV Thông tin Điện tử Hàng hải Việt Nam;
- Lãnh đạo Tổng công ty BĐATHH miền Nam;
- website www.vms-south.vn;
- Phòng: KT-KH, KT, HTQT&QLHT;
- Lưu VT-VP, P.ATHH^{Nhiệm}.

**KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Đinh Thái Công

(1) Tổ chức cung cấp số liệu, thông tin phục vụ việc công bố thông báo hàng hải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của số liệu, thông tin mình cung cấp theo khoản 3. điều 47, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

Danh sách nơi nhận kèm theo

- 1 Bộ Tư lệnh Hải quân
- 2 Bộ Tư lệnh Cảnh sát Biển
- 3 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam
- 4 Chi Cục Đường thủy nội địa phía Nam
- 5 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - Liên danh Việt – Nga Vietsovpetro (VSP)
 - Tổng Cty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)
 - Tổng Cty Thăm dò & Khai thác Dầu khí (PVEP)
 - Tổng Cty CP Vận tải Dầu khí (PV Trans)
 - Cty CP Vận tải sản phẩm Khí Quốc tế (Gas shipping)
 - Trung tâm Ứng phó Sự cố tràn dầu khu vực miền Nam
- 6 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex)
- 7 Cty CP Vận tải Xăng dầu VITACO
- 8 Cty CP Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex
- 9 Tổng Cty Hàng hải Việt Nam (Vinalines)
 - Cty TNHH MTV Vận tải Biển đông (BISCO)
 - Cty Vận tải biển Container Vinalines (Vinalines Container)
 - Cty Vận tải biển Vinalines (VLC)
 - Cty CP Hàng hải Đông Đô (DONGDO MARINE)
 - Cty CP Vận tải biển & Hợp tác lao động Quốc tế
 - Cty Hàng hải Vinalines Nha Trang
 - Cty Vận tải Biển Bắc
- 10 Cty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam (Vitranschart)
- 11 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (VOSA Sài Gòn)
- 12 Cty Vận Tải & Cung ứng Xăng Dầu Đường Biển
- 13 Cty Vận tải biển Sài Gòn (SaigonShip)
- 14 Cty cổ phần Vận tải biển Việt Nam(VOSCO)
- 15 Cty CP Vận tải biển VINASHIP
- 16 Bộ đội Biên phòng TP, Hồ Chí Minh
- 17 Phòng Cảnh sát giao thông đường thủy TP. HCM
- 18 Sở GTVT và Sở NN&PTNT TP. Hồ Chí Minh
- 19 Trường Đại học GTVT TP. Hồ Chí Minh
- 20 Trường Cao đẳng Hàng hải II
- 21 Cty CP Cảng Sài Gòn
- 22 Đài tiếng nói nhân dân Tp. Hồ Chí Minh
- 23 Đài thông tin Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh
- 24 Cty Phương Nam – Bộ Quốc phòng
- 25 CN1 – Cty CP Trục vớt Cứu hộ Việt Nam
- 26 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Đông Nam Bộ
- 27 Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam
- 28 Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn

350
T
ÔNG
TOÀ
MI
TÁU



cảng Bến Nghé Phú Hữu

SÔNG ĐỒNG NAI

Vị trí độ sâu khu nước trước cảng Bến Nghé - Phú Hữu

Kèm theo TBHH số: 230 /TBHH-TCTBĐATHHVN

Sơ đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hành hải

Trích bình đồ độ sâu ký hiệu BNPH_2310, tỷ lệ 1/1000

1191507.0

Kinh tuyến trực 106, mũi chiếu 3 độ

101.
ÔNG
Y BÀ
HÀ
NNA
T.BA



cảng Tân Cảng Cát Lái

cầu tàu số 2

Tàu neo đậu

cầu tàu số 1

SÔNG ĐỒNG NAI

Vị trí độ sâu khu nước trước cảng Tân Cảng Cát Lái

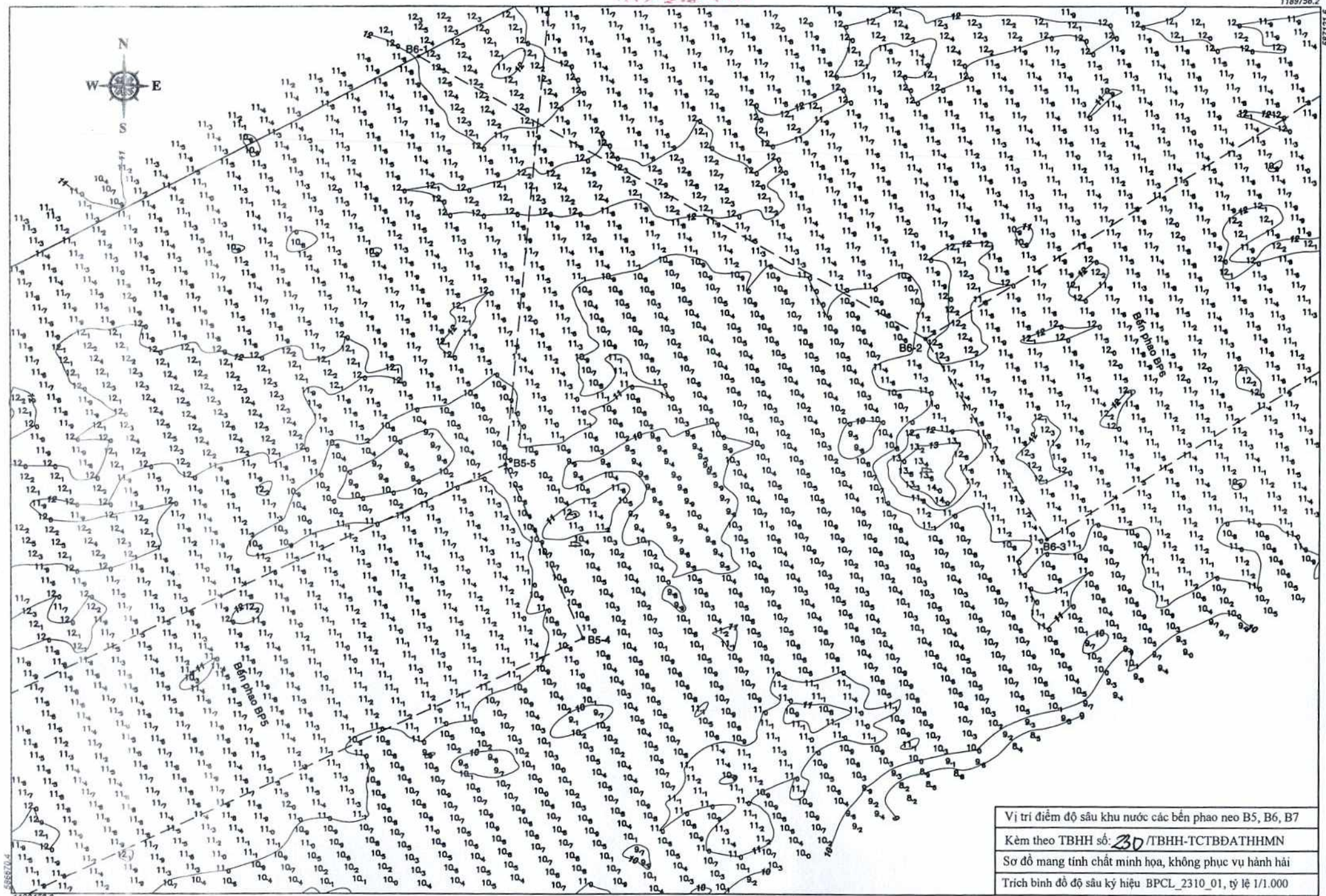
Kèm theo TBHH số: 230 /TBHH-TCTBĐATHHMN

Sơ đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hành hải

Trích bình đồ độ sâu ký hiệu TCCL_2310, tỷ lệ 1/1000

1189356.4

Kinh tuyến trục 106, mũi chiếu 3 độ



Vị trí điểm độ sâu khu vực các bến phao neo B5, B6, B7
Kèm theo TBHH số: 30 /TBHH-TCTĐATHHMN
Sơ đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hành hải
Trích bình đồ độ sâu ký hiệu BPCL_2310_01, tỷ lệ 1/1.000